

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2024/HS-ST
Ngày: 24/01/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Dung.

Ông Nguyễn Thái Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Hùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông Hà Mạnh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 đối với:

Bị cáo: NGUYỄN NGỌC T3, sinh năm 1983; Giới tính: Nam. Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Tổ dân phố I, phường P, quận B, thành phố Hà Nội. Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Công an công tác tại phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện A - Bộ C (bị tước danh hiệu Công an nhân dân ngày 06/11/2023; Con ông: Nguyễn Ngọc T1 và con bà: Nguyễn Thị N; Có vợ: Nguyễn Thị Thu T2 và 02 con; lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không

Khi phạm tội là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (bị khai trừ Đảng ngày 17/11/2023).

Tạm giam từ ngày 09/11/2023, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 1 C1, (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Đỗ Thị Hằng N1, sinh năm 1983; trú tại tổ dân phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T3 và chị Đỗ Thị Hằng N1 là đồng nghiệp, cùng công tác tại Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện A - Bộ C. Từ khoảng cuối tháng 12/2020 đến ngày 01/10/2021, do có nhu cầu cần tiền để sử dụng nên chị N1 đã hỏi vay tiền của T3. T3 đồng ý cho chị N1 vay với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000/ngày (tương đương với lãi suất 109,5%/năm), cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 31/12/2020, T3 cho chị N1 vay 500.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 109,5%/năm). T3 nhờ ông Nguyễn Ngọc T1 (sinh năm 1959; trú tại tổ I, phường P, quận B, thành phố Hà Nội; là bố của T3) chuyển 500.000.000 đồng, từ tài khoản số 19035959746019 mang tên Nguyễn Ngọc T1 mở tại Ngân hàng T6, vào tài khoản số 19036250432017, mang tên Đỗ Thị Hằng N1, mở tại Ngân hàng T7.

Sau đó, chị N1 đã trả lãi cho T3 như sau:

- Tiền lãi từ ngày 31/12/2020 đến ngày 14/01/2021: chị N1 trả lãi cho T3 $3.000 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} \times 500.000.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ ngày} = 22.500.000 \text{ đồng}$.

- Lãi từ ngày 14/01/2021 đến ngày 29/01/2021: chị N1 đã trả T3 số tiền lãi là $3.000 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} \times 500.000.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ ngày} = 22.500.000 \text{ đồng}$.

- Lãi từ ngày 29/01/2021 đến ngày 03/3/2021, chị N1 đã trả lãi cho T3 số tiền $3.000 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} \times 500.000.000 \text{ đồng} \times 32 \text{ ngày} = 48.000.000 \text{ đồng}$. + Lãi từ ngày 03/3/2021 đến ngày 18/3/2021, chị N1 đã trả T3 số tiền lãi là $3.000 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} \times 500.000.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ ngày} = 22.500.000 \text{ đồng}$.

- Lãi từ ngày 18/3/2021 đến ngày 03/4/2021, chị N1 đã trả T3 số tiền lãi là: $3.000 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} \times 500.000.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ ngày} = 22.500.000 \text{ đồng}$.

- Lãi từ ngày 03/4/2021 đến ngày 02/5/2021, chị N1 đã chuyển cho T3 tiền lãi là: $3.000 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} \times 500.000.000 \text{ đồng} \times 30 \text{ ngày} = 45.000.000 \text{ đồng}$ và 100.000.000 đồng tiền gốc.

- Lãi từ ngày 02/5/2021 đến ngày 03/6/2021, chị N1 đã chuyển T3 tiền lãi là: $3.000 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} \times 400.000.000 \text{ đồng} \times 31 \text{ ngày} = 37.200.000 \text{ đồng}$.

- Lãi từ ngày 03/6/2021 đến ngày 08/6/2021, chị N1 đã chuyển T3 tiền lãi là: $3.000 \text{ đồng} / 1.000.000 \text{ đồng} \times 400.000.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ ngày} = 4.800.000 \text{ đồng}$ và 400.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, từ ngày 31/12/2020 đến ngày 08/6/2021, chị N1 đã trả cho T3 đủ số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 225.000.000 đồng. Sau khi trừ đi lãi suất theo quy định của pháp luật là 41.095.890 đồng, xác định số tiền T3 thu lợi bất chính là **183.904.110 đồng**.

Lần thứ hai: Ngày 09/02/2021, T3 cho chị N1 vay 300.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 109,5%/năm). T3 nhờ vợ

là chị Nguyễn Thị Thu T2 chuyển từ tài khoản số 03001010779479, mở tại Ngân hàng H, mang tên Nguyễn Thị Thu T2 đến tài khoản số 19036250432017, mở tại Ngân hàng T6, mang tên Đỗ Thị Hằng N1. Đến ngày 01/03/2021, chị N1 đã trả cho T3 đủ số tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 25.350.000 đồng. Sau khi trừ đi lãi suất theo quy định của pháp luật là 4.630.137 đồng, xác định số tiền T3 thu lợi bất chính là 20.719.863 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 14/6/2021, T3 cho chị N1 vay 400.000.000 đồng, lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 109,5%/năm). T3 trực tiếp đưa tiền mặt cho chị N1. Chị N1 đã trả T3 tiền lãi đến ngày 18/11/2022 là 186.000.000 đồng. Sau khi trừ đi lãi suất theo quy định của pháp luật là 33.972.601 đồng, xác định số tiền T3 thu lợi bất chính là 152.027.399 đồng. Từ ngày 19/11/2021 đến ngày 29/01/2022 tiền lãi là 84.000.000 đồng và tiền gốc 400.000.000 đồng chị N1 chưa trả cho T3.

Lần thứ tư: Ngày 23/7/2021, T3 cho chị N1 vay 700.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 109,5%/năm). T3 nhờ bố là ông Nguyễn Ngọc T1 chuyển 700.000.000 đồng từ tài khoản số 19035959746019, mở tại Ngân hàng T6, mang tên Nguyễn Ngọc T1 vào tài khoản số 19036250432017, mở tại Ngân hàng T7, mang tên Đỗ Thị Hằng N1. Chị N1 đã trả T3 tiền lãi đến ngày 23/11/2021 là 252.000.000 đồng. Sau khi trừ đi lãi suất theo quy định của pháp luật là 46.024.000 đồng, xác định số tiền T3 thu lợi bất chính là 205.976.000 đồng. Từ ngày 24/11/2021 đến ngày 29/01/2022 tiền lãi là 136.500.000 đồng và tiền gốc 700.000.000 đồng chị N1 chưa trả cho T3.

Lần thứ năm: Ngày 17/8/2021, T3 cho chị N1 vay 500.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 109,5%/năm). T3 nhờ bố là ông Nguyễn Ngọc T1 chuyển 500.000.000 đồng từ tài khoản số 19035959746019, mở tại Ngân hàng T6, mang tên Nguyễn Ngọc T1 vào tài khoản số 19036250432017, mở tại Ngân hàng T7, mang tên Đỗ Thị Hằng N1. Chị N1 đã trả T3 tiền lãi đến ngày 16/11/2021 là 135.000.000 đồng. Sau khi trừ đi lãi suất theo quy định của pháp luật là 24.657.534 đồng, xác định số tiền T3 thu lợi bất chính là 110.342.466 đồng. Từ ngày 17/11/2021 đến ngày 29/01/2022 tiền lãi là 108.000.000 đồng và tiền gốc 500.000.000 đồng chị N1 chưa trả cho T3.

Lần thứ sáu: Ngày 01/10/2021, chị N1 vay của T3 500.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 109,5%/năm). T3 nhờ ông Nguyễn Ngọc T1 chuyển 300.000.000 đồng từ tài khoản số 19035959746019 của ông T1 mở tại Ngân hàng T6 vào tài khoản số 19036250432017 của chị N1 mở tại Ngân hàng T7 và đưa 200.000.000 đồng tiền mặt cho chị N1. Chị N1 đã trả T3 tiền lãi đến ngày 30/10/2021 là 45.000.000 đồng. Sau khi trừ đi lãi suất theo quy định của pháp luật là 8.219.178 đồng, xác định số tiền T3 thu lợi bất chính là 36.780.822 đồng. Từ

ngày 01/11/2021 đến ngày 29/01/2022 tiền lãi là 132.000.000 đồng và tiền gốc 500.000.000 đồng, chị N1 chưa trả cho T3

Cộng tất cả các khoản vay đến ngày 29/01/2022, chị N1 còn nợ T3 số tiền gốc là 2.100.000.000 đồng và nợ lãi là 460.500.000 đồng. Do chị N1 không trả được tiền gốc và tiền lãi của các khoản vay cho T3 nên chị N1 đã làm hợp đồng, thế chấp thừa đất của mình, địa chỉ cụm C, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội tại Ngân hàng H thịnh vượng (V) - Chi nhánh V1 để vay số tiền 3.250.000.000 đồng. Sau đó, chị N1 đã nhờ chị Nguyễn Thị Thu T2 là vợ T3 mượn tài khoản ngân hàng của anh Tô Đình T4 (sinh năm 1989; trú tại tổ dân phố số I, phường P, quận B, Hà Nội) để Ngân hàng V, Chi nhánh V1 giải ngân số tiền 3.250.000.000 đồng. Sau đó, T3 bảo anh T4 chuyển số tiền trên vào tài khoản của ông Nguyễn Ngọc T1. Sau đó, T3 giữ lại số tiền 1.250.000.000 đồng để trừ khoản tiền gốc (700.000.000 đồng) và lãi của 04 khoản vay (460.500.000 đồng), tổng là 1.160.500.000 đồng; 89.500.000 đồng trừ vào lãi khoản vay khác trước đó; còn lại số tiền 2.000.000.000 đồng T3 chuyển trả cho chị N1. Cụ thể như sau:

+ Mã 400.000.000 đồng (lần vay thứ 3): Từ ngày 19/11/2021 đến ngày 29/01/2022, tiền lãi là 84.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi chị N1 đã trả T3 cho khoản vay này là (186.000.000 đồng + 84.000.000 đồng) = 270.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Sau khi trừ đi lãi suất theo quy định của pháp luật là 49.315.068 đồng, xác định số tiền T3 thu lợi bất chính là 220.684.932 đồng.

+ Mã 700.000.000 đồng (lần vay thứ 4): Từ ngày 24/11/2021 đến ngày 29/01/2022, tiền lãi là 136.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi chị N1 đã trả T3 cho khoản vay này là (252.000.000 đồng + 136.500.000 đồng) = 388.500.000 đồng và 700.000.000 đồng tiền gốc. Sau khi trừ đi lãi suất theo quy định của pháp luật là 70.958.904 đồng, xác định số tiền T3 thu lợi bất chính là 317.541.096 đồng.

+ Mã 500.000.000 đồng (lần vay thứ 5): Từ ngày 17/11/2021 đến ngày 29/01/2022, tiền lãi là 108.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi chị N1 đã trả T3 cho khoản vay này là (135.000.000 đồng + 108.000.000 đồng) = 243.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Sau khi trừ đi lãi suất theo quy định của pháp luật là 44.383.562 đồng, xác định số tiền T3 thu lợi bất chính là 198.616.438 đồng.

+ Mã 500.000.000 đồng (lần vay thứ 6): Từ ngày 01/11/2021 đến ngày 29/01/2022, tiền lãi là (45.000.000 đồng + 132.000.000 đồng) = 177.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc.

Sau khi trừ đi lãi suất theo quy định của pháp luật là 32.328.767 đồng, xác định số tiền T3 thu lợi bất chính là 144.671.233 đồng.

T3 đã thu số tiền lãi đối với 06 mã vay trên tổng số tiền là 1.328.850.000 đồng. Sau khi trừ đi lãi suất theo quy định của pháp luật là 242.712.329 đồng, xác định số tiền T3 thu lợi bất chính là 1.086.137.671 đồng.

Sau khi chị N1 trả một phần tiền gốc và tiền lãi cho các khoản vay trên, đến ngày 29/01/2022, số tiền gốc chị N1 nợ T3 còn 1.400.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 109,5%/năm), tuy nhiên chị N1 chưa trả T3.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại di động của chị Đỗ Thị Hằng N1, thu giữ nội dung trao đổi giữa tài khoản Zalo của chị N1 (đăng ký số điện thoại 0983548228) với tài khoản Zalo của T3 (đăng ký bằng số điện thoại 0986007183) và thu giữ nội dung tin nhắn giữa số điện thoại 0983548228 của chị N1 với số điện thoại 0986007183 của T3 có liên quan đến việc vay tiền và trả tiền lãi của các mã vay nêu trên. Kết quả xác minh, Ngân hàng Thương mại Cổ phần H (T7) đã cung cấp sao kê chi tiết giao dịch tại tài khoản số 19035959746019 mang tên Nguyễn Ngọc T1 và tài khoản số 19036250432017 mang tên Đỗ Thị Hằng N1; Ngân hàng Thương mại Cổ phần H (B) đã cung cấp sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng số 22210000648328 mang tên Nguyễn Ngọc T3; Ngân hàng Thương mại Cổ phần H (M) đã cung cấp sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng số 03001010779479 mang tên Nguyen Thi Tàn Thu Thuy phù hợp với nội dung tin nhắn Zalo giữa T3 và chị N1.

Ngoài ra, ngày 03/12/2020, T3 cho chị N1 vay số tiền 600.000.000 đồng. T3 nhờ chị Nguyễn Minh T5 (sinh năm 1988; trú tại số nhà I, phố L, phường V, quận Đ, Hà Nội; là bạn của T3) chuyển 600.000.000 đồng từ tài khoản số 19036006250012 của chị T5 mở tại Ngân hàng H (T8) vào tài khoản số 19036250432017 mang tên Đỗ Thị Hằng N1 mở tại Ngân hàng T6.

Từ ngày 03/12/2020 đến ngày 29/01/2022, T3 cho chị N1 vay với lãi suất 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 91,2%/năm). Chị N1 đã trả lãi cho T3 đến ngày 02/12/2021. Từ ngày 03/12/2021 đến ngày 29/01/2022, chị N1 chưa trả tiền gốc và lãi cho T3. Đối với khoản vay này là quan hệ pháp luật dân sự nên không xem xét.

Từ ngày 29/01/2022, T3 đã nâng lãi suất của mã vay này lên 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 109,5%/năm), chị N1 đồng ý. Tuy nhiên, chị N1 chưa trả T3 tiền gốc và tiền lãi của khoản vay này nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với T3.

Trong các ngày 29/01/2022 và 18/02/2022, T3 tiếp tục cho chị N1 vay n 02 mã với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 146%/năm), cụ thể:

- Ngày 29/01/2022, T3 cho chị N1 vay 600.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 146%/năm). T3 nhờ ông Nguyễn

Ngọc T1 chuyển 600.000.000 đồng từ tài khoản số 19035959746019 của ông T1 mở tại Ngân hàng T6 vào tài khoản số 19036250432017 của chị N1 mở tại Ngân hàng T7.

- Ngày 18/02/2022, T3 cho chị N1 vay 300.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 146%/năm). T3 nhờ ông Nguyễn Ngọc T1 chuyển 300.000.000 đồng từ tài khoản số 19035959746019 của ông T1, mở tại Ngân hàng T6 vào tài khoản số 19036250432017 của chị N1, mở tại Ngân hàng T7.

Đối với 02 khoản vay này, chị N1 chưa trả T3 tiền gốc và tiền lãi nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với T3.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc T3 khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của chị N1 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. T3 khai đã nhiều lần nhắn tin cho chị N1 nội dung: T3 vay tiền của người có tài khoản zalo “Quý Dòm” (không xác định được số điện thoại) và người tên Đ sử dụng số điện thoại 0975737779 để cho chị N1 vay lại. Bản thân T3 đã tự tạo tài khoản zalo “Quý Dòm” và tự xưng là người tên Đ rồi nhắn tin nhắc nợ T3, mục đích để chị N1 sớm trả gốc và lãi cho T3; không có việc T3 vay lãi nặng của người khác rồi cho chị N1 vay lại. Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi Công ty Cổ phần V2 đề nghị cung cấp thông tin tài khoản zalo “Quý Dòm” và có văn bản gửi Tập đoàn C2 đề nghị cung cấp thông tin chủ thuê bao số điện thoại 0975737779 nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời. Do đó ngày 07/12/2023, Cơ quan điều tra đã quyết định tách tài liệu liên quan đến nội dung trên để tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Đối với ông Nguyễn Ngọc T1, qua điều tra xác định ông T1 không biết việc T3 sử dụng tài khoản ngân hàng của ông T1 để giao dịch, chuyển tiền cho chị N1 vay. Lời khai của ông T1 phù hợp với lời khai của T3. Do đó, Cơ quan tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Tô Đình T4: Anh T4 không biết nguồn tiền giải ngân theo hợp đồng vay vốn của chị N1, tại Ngân hàng V - chi nhánh V1 chuyển vào tài khoản của anh T4 được sử dụng vào mục đích trả lãi cho T3, không biết việc T3 cho N1 vay tiền. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chị Nguyễn Thị Thu T2: Quá trình điều tra, chị T2 khai không biết việc T3 cho chị N1 vay lãi nặng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 109,5%/năm) và việc T3 nhờ chị N1 sử dụng tài khoản của chị T2 để giao dịch, chuyển tiền cho chị N1 vay. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Chị T2 khai có biết việc chị N1 đang nợ T3 tổng số tiền 3.700.000.000 đồng nhưng không biết cụ thể số tiền gốc và tiền lãi. Quá trình điều tra, chị N1 khai, đến ngày 25/4/2022, chị N1 chưa trả được số tiền gốc 2.900.000.000 đồng và số tiền lãi 757.526.780 đồng thì T3 cùng vợ là chị T2 đã yêu cầu chị N1 viết 01 giấy biên nhận thể hiện nội dung: Chị N1 đã nhận của vợ chồng T3, T2 số tiền 3.700.000.000 đồng để đặt cọc bán ngôi nhà của chị N1 đang ở tại tổ dân phố Đ, phường Đ, quận B, Hà Nội, tuy nhiên vợ chồng T3, T2 không thừa nhận có việc này. Cơ quan điều tra đã yêu cầu chị N1 cung cấp bản

gốc tờ giấy do chị T2 viết nhưng hiện chị N1 chưa cung cấp. Ngày 07/12/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định tách tài liệu để tiếp tục điều tra, làm rõ.

Ngoài ra, quá trình điều tra chị N1 khai T3 và chị T2 đã sử dụng thẻ tín dụng của chị N1 mở tại Ngân hàng H (V3) chi tiêu số tiền 158.000.000 đồng (T3 78.000.000 đồng, chị T2 80.000.000 đồng) để trừ vào số tiền chị N1 đang nợ T3. Cơ quan điều tra đã yêu cầu chị N1 cung cấp thông tin thẻ tín dụng mở tại Ngân hàng V3 nhưng hiện chị N1 chưa cung cấp. Ngày 07/12/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định tách tài liệu để tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

Trách nhiệm dân sự: Chị Đỗ Thị Hằng N1 yêu cầu Nguyễn Ngọc T3 hoàn trả số tiền 1.086.137.671 đồng thu lợi bất chính do cho vay lãi nặng

Cáo trạng số: 15/CT-VKS-P2 ngày 02/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T3 về: “*Tội cho vay lãi nặng*” theo quy định khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1.Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; Điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T3 phạm tội “ *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” .

Đề nghị phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T3 từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 30.000.000đ đến 50.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà Nước 2,9 tỷ đồng (trong đó truy thu của bị cáo 1,5 tỷ, truy thu của chị N1 số tiền 1,4 tỷ) tiền gốc bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại đã thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C1, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, của Điều tra viên, Kiểm sát viên:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an Thành phố C1, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội, của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành

tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đó thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung, tội danh và hình phạt áp dụng với các bị cáo:

Từ những nhận định trên căn cứ vào lời khai của các Bị cáo, bị hại và người liên quan, người làm chứng tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có đủ căn cứ kết luận:

Nguyễn Ngọc T3 và chị Đỗ Thị Hằng N1 là đồng nghiệp, cùng công tác tại Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện A - Bộ C. Từ khoảng cuối tháng 12/2020, do có nhu cầu cần tiền để sử dụng nên chị N1 đã hỏi vay tiền của T3. T3 đồng ý cho chị N1 vay với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất 109,5%/năm), chị N1 đồng ý.

Từ ngày 31/12/2020 đến ngày 01/10/2021, T3 đã chuyển cho chị N1 vay 06 lần với tổng số tiền 2.900.000.000 đồng. Đến ngày 29/01/2022, chị N1 đã trả T3 1.500.000.000 đồng tiền gốc và 1.328.850.000 đồng tiền lãi. Sau khi trừ đi lãi suất theo quy định của pháp luật là 242.712.329 đồng, xác định số tiền T3 thu lợi bất chính là 1.086.137.671 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà Nước về tín dụng (cụ thể trong vụ án trên là xâm phạm lĩnh vực kinh doanh tiền tệ) bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thực được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi nên phải chịu trách nhiệm hình sự do bị cáo gây ra.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo ra trước phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối lỗi, quá trình công tác bị cáo được T9 Bộ C khen thưởng, bị cáo có bố được tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 6 lần cho chị N1 vay tiền nên phải chịu tình tiết phạm tội từ 2 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo lần đầu phạm tội, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tuy nhiên những lần đó đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng,

nguyên nhân phạm tội do chị N1 là người cùng cơ quan bị cáo cần tiền hỏi bị cáo giúp đỡ cho chị N1 vay tiền, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại nơi cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt

[2.2] Các biện pháp tư pháp:

Vật chứng: Bị cáo Nguyễn Ngọc T3 sử dụng tiền cho Đỗ Thị Hằng N1 vay nặng lãi để thực hiện hành vi phạm tội căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự xử lý như sau:

* Truy thu sung quỹ Nhà nước của Nguyễn Ngọc T3 tiền dùng làm phương tiện cho vay N1 đã trả T3: Khoản cho vay lần 1, T3 cho chị N1 vay ngày 31/12/2020 số tiền gốc **500.000.000 đồng** (N1 đã trả cho T3 ngày 8/6/2021); Khoản cho vay lần 2 ngày 9/2/2021 số tiền **300.000.000đ** (N1 đã trả ngày 1/3/2021); Khoản cho vay lần 4 ngày 23/7/2021 số tiền **700.000.000đ** (Nga trả 29/1/2022 từ nguồn vay Ngân hàng V). Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền bị cáo T3 thu lời bất chính là tiền lãi vượt quy định tổng cộng 1.086.137.671 đồng. Tổng cộng truy thu của T3 số tiền là 2.586.137.671 đồng.

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền gốc N1 vay của bị cáo T3 đến nay chưa trả tổng cộng 1.400.000.000đ (gồm 400.000.000đ vay lần 3 ngày 14/6/2021; 500.000.000đ vay ngày 17/8/2021; 500.000.000đ vay ngày 01/10/2021).

Truy thu của bị cáo T3 tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự mà chị N1 đã trả T3 để trả lại cho chị N1 tổng số là 242.712.328 đồng

Về án phí: Bị cáo tuyên có tội nên phải chịu án phí theo qui định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm s, v khoản 1 và 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T3 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T3 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc T3 cho Ủy ban nhân dân phường P, quận B, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Nếu trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trả tự do tại phiên tòa cho bị cáo sau khi tuyên án nếu bị cáo không bị tạm giam về tội khác,

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Ngọc T3: Số tiền gốc (N1 đã trả T3) 1.500.000.000đ, số tiền lãi vượt quy định 1.086.137.671đồng, tổng cộng là 2.586.137.671đồng.

Truy thu của T3 (tiền lãi theo pháp luật chi N1 đã trả T3): 242.712.329đ để trả lại cho chị Đỗ Thị Hằng N1

Truy thu của chị Đỗ Thị Hằng N1 số tiền gốc (N1 chưa trả T3) sung quỹ Nhà Nước 1.400.000.000đ.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QNVLQ;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội (P2);
- Công an TP. Hà Nội;
- Cục T.H.A DS TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Thủy

